

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT

NGUYỄN THỊ HƯỜNG

**TỘI CƯỜNG ĐOẠT TÀI SẢN  
TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

*Chuyên ngành* : Luật hình sự và tố tụng hình sự

*Mã số* : 60 38 01 04

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

HÀ NỘI - 2014

**Công trình được hoàn thành  
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

*Người hướng dẫn khoa học*: PGS.TS Trần Văn Độ

*Phản biện 1*:

*Phản biện 2*:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi ..... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 2014.

**Có thể tìm hiểu luận văn  
tại Trung tâm thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội  
Trung tâm tư liệu - Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội**

# MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang		
<i>Trang phụ bì</i>			
<i>Lời cam đoan</i>			
<i>Mục lục</i>			
<i>Danh mục các từ viết tắt</i>			
<i>Danh mục các bảng</i>			
<b>MỞ ĐẦU</b>	1		
<b>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI CƯỖNG ĐOẠT TÀI SẢN TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM</b>	8		
1.1. Khái niệm và ý nghĩa của việc quy định tội cưỡng đoạt tài sản trong luật hình sự Việt Nam	8	2.2.4. Phạm tội thuộc các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 135 Bộ luật Hình sự	47
1.1.1. Tài sản và quy định của pháp luật Việt Nam về vấn đề tài sản	8	2.2.5. Hình phạt bổ sung áp dụng đối với người phạm tội cưỡng đoạt tài sản	48
1.1.2. Khái niệm hành vi cưỡng đoạt tài sản	9	2.3. Phân biệt tội cưỡng đoạt tài sản với một số tội phạm khác trong luật hình sự Việt Nam	48
1.1.3. Ý nghĩa của việc quy định tội cưỡng đoạt tài sản trong luật hình sự Việt Nam	14	2.3.1. Phân biệt tội cưỡng đoạt tài sản với tội cướp tài sản tại Điều 133 Bộ luật Hình sự	48
1.2. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật hình sự Việt Nam về tội cưỡng đoạt tài sản	14	2.3.2. Phân biệt tội Cưỡng đoạt tài sản với tội Bất cóc nhằm chiếm đoạt tài sản tại Điều 134 Bộ luật Hình sự	54
1.2.1. Giai đoạn từ khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công đến trước pháp điển hóa lần thứ nhất - Bộ luật Hình sự năm 1985	16	2.3.3. Phân biệt tội cưỡng đoạt tài sản với tội cướp giật tài sản tại Điều 136 Bộ luật Hình sự	57
1.2.2. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật Hình sự năm 1985 đến trước pháp điển hóa lần thứ hai - Bộ luật Hình sự năm 1999	19	2.3.4. Phân biệt tội cưỡng đoạt tài sản với tội công nhiên chiếm đoạt tài sản tại Điều 137 Bộ luật Hình sự	59
1.2.3. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật Hình sự năm 1999 đến nay	21	<b>Chương 3: THỰC TIỄN XÉT XỬ, MỘT SỐ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ HIỆN HÀNH VỀ TỘI CƯỖNG ĐOẠT TÀI SẢN</b>	63
1.3. Nghiên cứu so sánh các quy định về tội cưỡng đoạt tài sản trong luật hình sự Việt Nam với pháp luật hình sự của một số nước	28	3.1. Thực tiễn xét xử tội cưỡng đoạt tài sản ở nước ta	63
1.3.1. Bộ luật Hình sự Nhật Bản	28	3.1.1. Đánh giá, phân tích tình hình xét xử tội cưỡng đoạt tài sản trong thời gian từ năm 2008 đến năm 2013	63
1.3.2. Bộ luật Hình sự của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa	29	3.1.2. Thực tiễn xét xử các vụ án cưỡng đoạt tài sản	68
1.3.3. Bộ luật Hình sự Liên bang Nga	30	3.1.3. Một số tồn tại, bất cập trong thực tiễn xét xử và những nguyên nhân cơ bản	72
<b>Chương 2: NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ TỘI CƯỖNG ĐOẠT TÀI SẢN TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ HIỆN HÀNH</b>	34	3.2. Hoàn thiện pháp luật hình sự về tội cưỡng đoạt tài sản	76
2.1. Các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội cưỡng đoạt tài sản	34	3.2.1. Sự cần thiết và ý nghĩa của việc hoàn thiện các quy định của Bộ luật Hình sự về tội cưỡng đoạt tài sản	76
2.1.1. Khách thể của tội cưỡng đoạt tài sản	34	3.2.2. Những giải pháp tiếp tục hoàn thiện các quy định của Bộ luật Hình sự về tội cưỡng đoạt tài sản	78
2.1.2. Mặt khách quan của tội cưỡng đoạt tài sản	36	3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự về tội cưỡng đoạt tài sản	83
2.1.3. Chủ thể của tội cưỡng đoạt tài sản	38	3.3.1. Tăng cường công tác hướng dẫn, giải thích các quy định của Bộ luật Hình sự hiện hành trong tương quan với các văn bản pháp luật khác về tội cưỡng đoạt tài sản	83
2.1.4. Mặt chủ quan của tội cưỡng đoạt tài sản	39	3.3.2. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhân dân	85
2.2. Các trường hợp phạm tội cưỡng đoạt tài sản cụ thể	40	3.3.3. Phối hợp các cơ quan, tổ chức với các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án để phòng ngừa, ngăn chặn và xét xử nghiêm minh tội cưỡng đoạt tài sản	86
2.2.1. Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật Hình sự	40	3.3.4. Tăng cường quan hệ phối hợp của các cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án) trên cơ sở thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan	88
2.2.2. Phạm tội thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 Bộ luật Hình sự	41	3.3.5. Tăng cường, hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với công tác tư pháp	91
2.2.3. Phạm tội thuộc các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 135 Bộ luật Hình sự	46	<b>KẾT LUẬN</b>	93
		<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	95

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong những năm gần đây, qua thực tiễn xét xử các vụ án hình sự cho thấy tình hình tội phạm nói chung, các tội xâm phạm sở hữu nói riêng có nhiều diễn biến phức tạp, gây ra hậu quả và tác hại lớn cho xã hội.

Trong các tội phạm xâm phạm sở hữu, hành vi cưỡng đoạt tài sản được coi là một trong những hành vi gây hậu quả hết sức nghiêm trọng, là vấn đề gây nhức nhối với toàn xã hội, tội phạm này vừa phổ biến, đa dạng về hình thức, đối tượng phạm tội lại vừa gây tâm lý hoang mang trong đại đa số bộ phận dân chúng, gây ảnh hưởng rất lớn tới trật tự an toàn xã hội. Cưỡng đoạt tài sản là tội phạm xâm hại nghiêm trọng tới cả quan hệ sở hữu và nhân thân, hành vi phạm tội thường được thực hiện một cách nguy hiểm, côn đồ, công khai với người bị hại, thể hiện ý thức coi thường pháp luật, kỷ cương xã hội.

Loại tội phạm này không chỉ tăng về số lượng mà cả diễn biến phức tạp về đối tượng phạm tội. Phương thức, thủ đoạn phạm tội cũng ngày càng tinh vi, xảo quyệt hơn, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội ngày càng lớn. Tình trạng đó đã và đang gây ra không ít những khó khăn, thách thức đối với các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong công tác điều tra, truy tố, xét xử cũng như trong chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh và phòng chống tội phạm, bảo đảm phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội để góp phần bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Để tiếp tục nghiên cứu một cách đầy đủ và làm sâu sắc hơn các vấn đề lý luận về cấu thành tội phạm (CTTP) này cũng như thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử đối với tội cưỡng đoạt tài sản làm căn cứ để đề xuất, kiến nghị tiếp tục hoàn thiện pháp luật hình sự; nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm này, việc tác giả nghiên cứu đề tài: "**Tội cưỡng đoạt tài sản trong luật hình sự Việt Nam**" làm luận văn thạc sĩ Luật học là cần thiết.

### 2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Dưới góc độ *khoa học pháp lý*, việc nghiên cứu về tội cưỡng đoạt tài sản đã được đề cập đến trong một số công trình nghiên cứu khoa học của các cơ sở đào tạo luật học như Trường Đại học Luật Hà Nội, Khoa Luật- Đại học quốc gia Hà Nội, Viện Nhà nước và Pháp luật thuộc Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam và một số cơ sở đào tạo khác. Trong đó phải kể đến một số giáo trình, sách chuyên khảo: GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa (chủ biên), *Chương XX - Các tội xâm phạm sở hữu trong Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb Công an nhân dân (2010); GS.TSKH Lê Cẩm (chủ biên) - *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Khoa luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội (2001, tái bản năm 2003 và 2007) ...

Bên cạnh đó, các vấn đề về lý luận và thực tiễn xét xử còn được nghiên cứu trong một số công trình nghiên cứu khoa học của ThS. Đinh Văn Quế - *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 1999 - Phần các tội phạm, Tập II: Các tội xâm phạm sở hữu*, Nxb Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh, 2006; TS. Trần Minh Hường - *Tìm hiểu Bộ luật Hình sự nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Bình luận và chú giải - Chương IV: Các tội xâm phạm quyền sở hữu*, Nxb Lao động, Hà Nội, 2002; PGS.TS Phùng Thế Vắc (chủ biên), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 1999 (Phần các tội phạm) - Chương IV: Các tội xâm phạm sở hữu*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2001...

Ngoài ra, còn phải kể đến một số luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ Luật học chuyên ngành Tư pháp hình sự nghiên cứu về các tội xâm phạm sở hữu như Đỗ Kim Tuyên, *Đấu tranh phòng, chống tội cướp tài sản trên địa bàn Hà Nội*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2001; Lê Thị Khanh, *Đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm sở hữu có tính chiếm đoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội, 2002; và một số bài viết, nghiên cứu khác có liên quan như: TS. Nguyễn Ngọc Chí, *Đối tượng của các tội phạm xâm phạm sở hữu*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 2/1998; TS. Trương Quang Vinh, *Các tội xâm phạm sở hữu trong Bộ luật Hình sự Việt Nam 1999*, Tạp chí luật học, số 4/2000...

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu, sách chuyên khảo, bài viết liên quan đến tội cưỡng đoạt tài sản thường tập trung đi sâu tới vấn đề lý luận về

dấu hiệu định tội của tội cưỡng đoạt tài sản hoặc nhìn nhận vấn đề dưới góc độ tội phạm học, đấu tranh phòng ngừa tội cưỡng đoạt tài sản hoặc đấu tranh phòng ngừa tội xâm phạm tài sản trên một địa bàn nhất định. Tuy nhiên, dưới góc độ khoa học pháp lý, đến nay chưa có công trình nghiên cứu nào nghiên cứu một cách toàn diện, có hệ thống các vấn đề lý luận và thực tiễn xét xử đối với tội cưỡng đoạt tài sản ở cấp độ một luận văn thạc sĩ luật học.

Vì vậy, việc nghiên cứu hoàn thiện các quy định của Bộ luật Hình sự (BLHS) về tội cưỡng đoạt tài sản, cũng như đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về tội phạm này vẫn là vấn đề bổ ích và cần thiết trên cả hai phương diện lý luận và thực tiễn.

### **3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu của luận văn**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Luận văn nghiên cứu và làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, các dấu hiệu pháp lý, đường lối xử lý và thực tiễn xét xử đối với tội cưỡng đoạt tài sản trong luật hình sự Việt Nam, qua đó đưa ra giải pháp hoàn thiện pháp luật và một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng những quy định của BLHS năm 1999 về tội phạm này.

#### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

Trong khuôn khổ của một luận văn thạc sĩ luật học, phạm vi nghiên cứu của luận văn tập trung vào các dấu hiệu pháp lý đặc trưng và những vấn đề liên quan đến việc định tội danh, thực tiễn xét xử đối với tội cưỡng đoạt tài sản trong những năm gần đây với tư cách là tội phạm trong chương các tội xâm phạm sở hữu mà chưa có điều kiện nghiên cứu, phân tích.

#### **4. Mục đích nghiên cứu của luận văn**

Luận văn nghiên cứu một cách tương đối có hệ thống về những vấn đề pháp lý cơ bản của tội cưỡng đoạt tài sản theo luật hình sự Việt Nam như: Khái niệm, các dấu hiệu pháp lý, trách nhiệm hình sự (TNHS) đối với người phạm tội; đồng thời đi sâu phân tích thực tiễn xét xử tội cưỡng đoạt tài sản trong thời gian từ năm 2008 - 2013. Trên cơ sở đó, luận văn chỉ ra một số vướng mắc, tồn tại trong công tác xử lý, từ đó đề xuất một số kiến nghị, giải pháp hoàn thiện pháp luật và những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của BLHS Việt Nam về xử lý loại tội phạm này.

### **5. Cơ sở phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu**

#### **5.1. Cơ sở phương pháp luận**

Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước ta về đấu tranh phòng và chống tội phạm.

#### **5.2. Các phương pháp nghiên cứu**

Trong quá trình nghiên cứu luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: Phân tích, tổng hợp và thống kê xã hội học; phương pháp so sánh, đối chiếu; phân tích quy phạm pháp luật, khảo sát thực tiễn; nghiên cứu, điều tra án điển hình... để phân tích và luận chứng các vấn đề khoa học cần nghiên cứu trong luận văn này.

### **6. Những đóng góp mới của luận văn**

#### **6.1. Về mặt lý luận**

Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần hoàn thiện lý luận về hành vi cưỡng đoạt tài sản trong khoa học luật hình sự Việt Nam; phân tích thông qua nghiên cứu các số liệu thực tiễn xét xử sơ thẩm trên địa bàn toàn quốc từ năm 2008 - 2013 và các bản án hình sự cụ thể của một số Tòa án để đánh giá. Qua đó chỉ ra những mâu thuẫn, bất cập trong các quy định của pháp luật hiện hành; các sai sót trong quá trình áp dụng các quy định đó, cũng như các nguyên nhân để tìm ra giải pháp khắc phục, đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của BLHS về tội cưỡng đoạt tài sản ở khía cạnh lập pháp hình sự và việc áp dụng trong thực tiễn.

#### **6.2. Về mặt thực tiễn**

Luận văn có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo, nghiên cứu, học tập. Những đề xuất, kiến nghị của luận văn sẽ cung cấp những luận chứng khoa học phục vụ cho công tác lập pháp và hoạt động thực tiễn áp dụng BLHS Việt Nam liên quan đến tội cưỡng đoạt tài sản, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống những tội này hiện nay.

#### **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

*Chương 1:* Những vấn đề chung về tội cưỡng đoạt tài sản trong luật hình sự Việt Nam.

*Chương 2:* Các quy định về tội cưỡng đoạt tài sản trong Bộ luật Hình sự hiện hành.

*Chương 3:* Thực tiễn xét xử, một số giải pháp tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự hiện hành về tội cưỡng đoạt tài sản.

### **Chương 1**

## **NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI CƯỖNG ĐOẠT TÀI SẢN TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

### **1.1. Khái niệm và ý nghĩa của việc quy định tội cưỡng đoạt tài sản trong luật hình sự Việt Nam**

#### **1.1.1. Tài sản và quy định của pháp luật Việt Nam về vấn đề tài sản**

Tài sản là đối tượng tác động của các tội phạm xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt nói chung cũng như tội cưỡng đoạt tài sản nói riêng, phải thỏa mãn những đặc điểm sau đây:

*Thứ nhất*, tài sản phải được thể hiện dưới dạng vật chất, có giá trị và giá trị sử dụng.

*Thứ hai*, tài sản phải có chủ sở hữu cụ thể với các quy định có tính chất pháp lý thể hiện quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản.

*Thứ ba*, tài sản phải có khả năng chuyển hóa được giữa các chủ sở hữu với nhau.

*Thứ tư*, tài sản là đối tượng tác động của các tội xâm phạm sở hữu là tài sản thông thường, có thể mua bán trao đổi được một cách hợp pháp những tài sản có tính chất đặc biệt hoặc Nhà nước cấm tư nhân mua bán trao đổi sẽ là đối tượng của các tội phạm khác quy định trong BLHS.

#### **1.1.2. Khái niệm hành vi cưỡng đoạt tài sản**

Qua phân tích, có thể hiểu về tội cưỡng đoạt tài sản bằng khái niệm sau: *Tội cưỡng đoạt tài sản là một tội phạm được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi luật định thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản người khác bằng các hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc thủ đoạn uy hiếp tinh thần của chủ sở hữu, người quản lý tài sản hoặc người khác có liên quan nhằm chiếm đoạt tài sản.*

### **1.1.3. Ý nghĩa của việc quy định tội cưỡng đoạt tài sản trong luật hình sự Việt Nam**

Trên cơ sở xử lý các hành vi vi phạm pháp luật một cách nghiêm minh, đúng đắn, chính xác, khách quan, phù hợp với pháp luật thì mới đảm bảo công bằng xã hội. Nếu việc xử lý hành vi vi phạm không nghiêm minh, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi vi phạm sẽ tạo tâm lý coi thường chế tài, nhờn pháp luật hoặc bi quan, chán nản, mất niềm tin vào công lý, khi đó mục đích của hình phạt không những không đạt được mà còn phản tác dụng.

Do vậy, cũng giống như các tội phạm khác, đường lối xử lý đối với tội cưỡng đoạt tài sản phải bảo đảm nguyên tắc mọi hành vi phạm tội phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo pháp luật; không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; qua đó giáo dục ý thức tuân thủ và tôn trọng pháp luật của người khác; đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

### **1.2. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật hình sự Việt Nam về tội cưỡng đoạt tài sản**

#### **1.2.1. Giai đoạn từ khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công đến trước pháp điển hóa lần thứ nhất - Bộ luật Hình sự năm 1985**

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, cùng với việc ban hành các Sắc lệnh về chống các loại tội phạm khác, đối với các tội xâm phạm sở hữu, Nhà nước ta đã ban hành Sắc lệnh số 26/SL ngày 25/02/1946 quy định về trừng trị tội phá hủy công sản; Sắc lệnh số 233/SL ngày 17/01/1946 về trừng trị tội phù lạm, biển thủ công quỹ. Thủ tướng Chính phủ ban hành Thông tư số 442/TTg ngày 19/01/1955 hướng dẫn các Tòa án trừng trị một số tội phạm xâm phạm sở hữu như trộm cắp, cướp của, lừa gạt, bội tín. Tuy nhiên, trong các văn bản pháp luật thời kỳ này cho thấy việc quy định tội cưỡng đoạt tài sản chưa được đề cập đến với tư cách là một tội phạm độc lập và chưa có sự định hình rõ nét.

Ngày 15/6/1956, Chủ tịch nước ký Sắc lệnh số 267/SL trừng trị những âm mưu hoạt động phá hoại tài sản của Nhà nước, Hợp tác xã và của nhân

dân, làm cản trở việc thực hiện chính sách, kế hoạch xây dựng kinh tế và văn hóa. Trong nội dung của Sắc lệnh này tuy chưa quy định tội cưỡng đoạt tài sản thành một tội phạm cụ thể, nhưng các hành vi khách quan của tội phạm này đã được đề cập và hướng dẫn về đường lối xử lý tương tự tội cướp tài sản và tội cướp giật tài sản.

Ngày 21/10/1970, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa và Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân. Nội dung của hai Pháp lệnh này một mặt khẳng định nguyên tắc Nhà nước kiên quyết bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, đồng thời bảo hộ tài sản riêng của công dân, chống lại mọi hành vi xâm hại đến tài sản của Nhà nước cũng như tài sản của công dân.

Có thể nói, tội cưỡng đoạt tài sản là một trong các tội phạm xâm phạm sở hữu được ghi nhận từ rất sớm trong pháp luật nước ta. Điều này chứng tỏ các nhà làm luật đã sớm nhận thức hành vi nguy hiểm của tội phạm này đối với xã hội nói chung, đối với việc bảo vệ chế độ sở hữu của nhà nước và của công dân nói riêng.

### ***1.2.2. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật Hình sự năm 1985 đến trước pháp điển hóa lần thứ hai - Bộ luật Hình sự năm 1999***

Ngày 27/6/1985, tại kỳ họp thứ IX, Quốc hội khóa VII đã thông qua BLHS. Về việc phòng, chống các tội xâm phạm sở hữu, BLHS năm 1985 đã kế thừa và kế thừa hầu hết các quy định của hai Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa và Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân. BLHS năm 1985 quy định tội Cưỡng đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa (Điều 130) thuộc Chương IV "Các tội xâm phạm sở hữu xã hội chủ nghĩa" và tội Cưỡng đoạt tài sản của công dân (Điều 153) thuộc Chương VI "Các tội xâm phạm sở hữu của công dân".

Nguyên tắc chung về xử lý loại tội phạm này quy định trong BLHS năm 1985 nói chung không có gì thay đổi so với hai Pháp lệnh năm 1970, hành vi khách quan giống nhau nhưng hình phạt đối với tội cưỡng đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa nặng hơn.

Nhìn chung, quy định về tội cưỡng đoạt tài sản trong pháp luật hình sự thời kỳ này tương đối ổn định. Qua các lần sửa đổi, bổ sung BLHS vào ngày

12/8/1991, ngày 22/12/1992 và ngày 10/5/1997 thì tội cưỡng đoạt tài sản trong luật hình sự nước ta không có thay đổi.

### ***1.2.3. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật Hình sự năm 1999 đến nay***

BLHS năm 1999 ra đời đánh dấu một bước phát triển trong quá trình xây dựng pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật hình sự nói riêng.

Bộ luật Hình sự năm 1999 đã nhập hai khách thể riêng được quy định tại Chương IV và Chương VI của BLHS năm 1985 thành một chương (Chương XIV) trong BLHS năm 1999 với 13 tội danh. Trong đó, tội cưỡng đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa và tội cưỡng đoạt tài sản của công dân được gộp vào quy định chung là tội cưỡng đoạt tài sản được quy định tại Điều 135 BLHS năm 1999.

So với quy định của BLHS năm 1985 thì tội cưỡng đoạt tài sản không có sự khác biệt về hành vi khách quan cũng như cấu thành cơ bản của tội phạm. Về hình phạt, Điều 135 BLHS năm 1999 so với tội phạm quy định tại Điều 130 BLHS 1985 là tương đương nhưng so với Điều 153 BLHS 1985 thì nặng hơn (mức cao nhất là hai mươi năm tù, trong khi đó Điều 153 là mười năm tù). Về cơ cấu, tội cưỡng đoạt tài sản theo Điều 135 BLHS năm 1999 được cấu thành 05 khoản (Điều 130 và 153 BLHS năm 1985 chỉ có 03 và 02 khoản).

Có thể thấy tội cưỡng đoạt tài sản là một trong số các tội xâm phạm sở hữu được quy định tại Điều 135 của BLHS trên cơ sở ghép hai tội phạm đã được quy định tại Điều 130 (Tội cưỡng đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa) và Điều 153 (Tội cưỡng đoạt tài sản của công dân) của BLHS năm 1985. So với BLHS năm 1985 thì Điều 135 của BLHS hiện hành có nhiều sửa đổi bổ sung, nhất là đối với các tình tiết là yếu tố định khung hình phạt, quy định cụ thể hơn, dễ áp dụng hơn. BLHS năm 1985 quy định hai tội danh khác nhau về cùng một hành vi cưỡng đoạt tài sản. BLHS năm 1999 quy định thành một tội cưỡng đoạt tài sản, không phân biệt tài sản xã hội chủ nghĩa hay tài sản công dân cũng nhằm đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn mới.

Trong lần sửa đổi BLHS năm 2009, các quy định về tội cưỡng đoạt tài sản không có gì thay đổi, thể hiện sự tương đối ổn định và phần nào đáp ứng nhu cầu của xã hội trong công tác đấu tranh phòng và chống loại tội phạm này.

### **1.3. Nghiên cứu so sánh các quy định về tội cưỡng đoạt tài sản trong luật hình sự Việt Nam với pháp luật hình sự của một số nước**

#### **1.3.1. Bộ luật Hình sự Nhật Bản**

BLHS của Nhật Bản cũng quy định đầy đủ và chặt chẽ các hành vi xâm phạm sở hữu và cũng có một số tội phạm giống và tương đồng với BLHS của Việt Nam. Tuy nhiên, so với BLHS của Việt Nam cũng có một số điểm khác như sau: *Thứ nhất*, trong BLHS của Nhật Bản, tất cả những hành vi phạm tội trong BLHS của nói chung và xâm phạm sở hữu nói riêng không được các nhà làm luật đặt tên tội (tội danh) như trong BLHS của Việt Nam, các nhà làm luật chỉ mô tả hành vi phạm tội trong nội dung điều luật; *Thứ hai*, không có các tình tiết tăng nặng định khung hình phạt như trong BLHS của Việt Nam; *Thứ ba*, khung hình phạt tối đa cho các tội phạm về chiếm đoạt tài sản trong BLHS của Nhật Bản nghiêm khắc hơn BLHS của Việt Nam; *Thứ tư*, ngoài ra, có một số tội phạm đặc trưng khác với BLHS của Việt Nam có thể để các nhà làm luật nước ta tham khảo khi sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện BLHS.

#### **1.3.2. Bộ luật Hình sự của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa**

Qua nghiên cứu BLHS của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thì thấy trong Chương V: tội xâm phạm tài sản có quy định về một số hành vi như cướp tài sản, trộm cắp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản; cướp giật tài sản; chiếm giữ trái phép tài sản. Tuy nhiên, chỉ mô tả hành vi phạm tội trong nội dung điều luật, chứ không đặt tên tội danh của Điều luật. Các quy định tại Chương V: tội xâm phạm tài sản cũng không thấy nêu hành vi nào là hành vi cưỡng đoạt tài sản hoặc hành vi tương tự hành vi cưỡng đoạt tài sản.

#### **1.3.3. Bộ luật Hình sự Liên bang Nga**

Trong BLHS Liên bang Nga, Các tội xâm phạm sở hữu (Chương 21) được quy định trong Phần VIII - Các tội phạm trong lĩnh vực kinh tế cùng với các tội xâm phạm lĩnh vực hoạt động kinh tế (Chương 22) và các tội xâm phạm quyền lợi tổ chức thương mại và tổ chức dịch vụ khác (Chương 23). Về các tội xâm phạm sở hữu, Bộ luật không phân biệt sở hữu hay sở hữu công dân như quy định trước đây (BLHS năm 1960 quy định các tội xâm phạm sở hữu có hai hình thức sở hữu với chính sách xử lý khác nhau). Đối với tất cả các tội xâm phạm sở hữu thì hình phạt tiền được áp dụng rộng rãi

với tính cách là hình phạt chính, được lựa chọn với hình phạt khác như lao động bắt buộc, lao động cải tạo hoặc phạt tù. Nhìn chung, hình phạt đối với các tội phạm kinh tế chủ yếu là hình phạt tiền, hình phạt tù ít được áp dụng và nếu có thì mức hình phạt cũng nhẹ.

Tóm lại, mỗi quốc gia có các quy định khác nhau và tùy từng thời kỳ lịch sử mà vấn đề này cũng được nhìn nhận khác nhau. Qua nghiên cứu, tham khảo quy định trong pháp luật hình sự một số nước trên thế giới và trong khu vực cho thấy có nhiều vấn đề mà chúng ta có thể tham khảo cho công tác xây dựng pháp luật, cũng như công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm đạt được hiệu quả hơn.

## **Chương 2**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ TỘI CƯỖNG ĐOẠT TÀI SẢN TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ HIỆN HÀNH**

#### **2.1. Các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội cưỡng đoạt tài sản**

Dấu hiệu pháp lý hay dấu hiệu CTTP có tính chất đặc trưng và điển hình cho loại tội phạm ấy, nó phản ánh đầy đủ bản chất và dùng để phân biệt tội phạm này với tội phạm khác. Do đó, việc làm rõ khái niệm và phân tích các dấu hiệu pháp lý hình sự của tội cưỡng đoạt tài sản qua bốn yếu tố CTTP - khách thể của tội phạm, mặt khách quan của tội phạm, chủ thể của tội phạm và mặt chủ quan của tội phạm có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng, góp phần giúp các cơ quan tiến hành tố tụng định tội danh và xét xử được cụ thể, chính xác.

##### **2.1.1. Khách thể của tội cưỡng đoạt tài sản**

Về mặt khách thể, tội cưỡng đoạt tài sản là hành vi gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho quan hệ sở hữu và sự gây thiệt hại này phản ánh một cách đầy đủ nhất bản chất hành vi nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Trong đó quan hệ sở hữu được hiểu là quan hệ xã hội trong đó quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt được tôn trọng và bảo vệ, hành vi gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho quan hệ sở hữu là những hành vi xâm phạm quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt của chủ sở hữu. Chủ thể thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản bao giờ cũng nhằm vào tài sản nhất định của chủ thể nhất định, không phân biệt là thuộc hình thức sở hữu nào.

### **2.1.2. Mặt khách quan của tội cưỡng đoạt tài sản**

Mặt khách quan của tội cưỡng đoạt tài sản được thể hiện qua hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực và các thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần của người khác nhằm chiếm đoạt tài sản.

### **2.1.3. Chủ thể của tội cưỡng đoạt tài sản**

Chủ thể của tội cưỡng đoạt tài sản là chủ thể thường và rất đa dạng. Theo đó, bất kỳ ai nếu thỏa mãn đầy đủ yếu tố về năng lực TNHS, đạt độ tuổi chịu TNHS tương ứng với khung hình phạt và thực hiện hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần nhằm chiếm đoạt tài sản thì đều là chủ thể của tội phạm này.

### **2.1.4. Mặt chủ quan của tội cưỡng đoạt tài sản**

Cũng như đối với các tội chiếm đoạt tài sản khác, tội cưỡng đoạt tài sản được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, người phạm tội nhận thức được hành vi đe dọa hoặc hành vi uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện nhằm chiếm đoạt tài sản. Đối với tội cưỡng đoạt tài sản, người phạm tội thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp với mục đích là mong muốn chiếm đoạt được tài sản. Mục đích chiếm đoạt được tài sản của người phạm tội bao giờ cũng có trước khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội là để đạt được mục đích phạm tội là chiếm đoạt tài sản.

## **2.2. Các trường hợp phạm tội cưỡng đoạt tài sản cụ thể**

Tác giả luận văn trình bày về các trường hợp phạm tội cưỡng đoạt tài sản cụ thể được quy định trong BLHS năm 1999, bao gồm:

### **2.2.1. Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật Hình sự**

### **2.2.2. Phạm tội thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 Bộ luật Hình sự**

### **2.2.3. Phạm tội thuộc các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 135 Bộ luật Hình sự**

### **2.2.4. Phạm tội thuộc các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 135 Bộ luật Hình sự**

### **2.2.5. Hình phạt bổ sung áp dụng đối với người phạm tội cưỡng đoạt tài sản**

## **2.3. Phân biệt tội cưỡng đoạt tài sản với một số tội phạm khác trong luật hình sự Việt Nam**

### **2.3.1. Phân biệt tội cưỡng đoạt tài sản với tội cướp tài sản tại Điều 133 Bộ luật Hình sự**

Điều 133 BLHS quy định: "Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản,...". Hiện nay đang có những cách hiểu khác nhau về dấu hiệu "làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản". Tuy nhiên, theo chúng tôi đặt trong mối liên hệ với một số tội phạm có tính chất chiếm đoạt khác có tính công khai, gần gũi với tội cưỡng đoạt tài sản như tội cướp tài sản, tội cướp giật tài sản, tội công nhiên chiếm đoạt tài sản thì hiểu hành vi phạm tội của tội cướp tài sản theo quy định của Điều 133 BLHS là: đối với nhóm tội này hành vi "dùng vũ lực" không bắt buộc phải gây ra hậu quả làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, còn đối với hai nhóm hành vi "đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc" hoặc có "hành vi khác" thì bắt buộc phải gây ra hậu quả là "làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản" mới được coi là hành vi khách quan của tội cướp tài sản và tội phạm được coi là hoàn thành.

Ở tội cưỡng đoạt tài sản, người phạm tội không nhằm mục đích làm cho người bị đe dọa lâm vào tình trạng không thể chống cự được và thực tế người bị tấn công cũng không bị tê liệt ý chí - không lâm vào tình trạng không thể chống cự được. Do đó hành vi đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc không làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản là trường hợp phạm tội cướp chưa đạt chứ không thể chuyển xuống tội cưỡng đoạt tài sản.

Đe dọa sẽ dùng vũ lực trong tội cưỡng đoạt tài sản là hành vi có thể được thực hiện bằng cử chỉ, hành động hoặc lời nói, nhưng dù được thực hiện bằng hình thức nào thì việc dùng vũ lực cũng không xảy ra ngay tức khắc. Có những trường hợp người bị hại bị người phạm tội đe dọa sẽ dùng vũ lực nếu không giao tài sản cho người phạm tội nhưng người bị hại không sợ và không giao tài sản cho người phạm tội, sau đó người phạm tội đã thực hiện hành vi dùng vũ lực đối với người bị hại thì cũng không phải là hành vi cướp tài sản mà vẫn là hành vi cưỡng đoạt tài sản.



### **2.3.2. Phân biệt tội cưỡng đoạt tài sản với tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản tại Điều 134 Bộ luật Hình sự**

Điều 134 BLHS quy định: "Người nào bắt cóc người khác làm con tin nhằm chiếm đoạt tài sản, thì...". Như vậy, người phạm tội thông qua hành vi bắt cóc để nhằm chiếm đoạt tài sản.

Về khách thể: Cũng giống tội cưỡng đoạt tài sản, tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản đồng thời xâm phạm đến hai quan hệ xã hội: quan hệ sở hữu và quan hệ nhân thân. Khách thể của tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản là quan hệ sở hữu, nhưng khách thể bị xâm hại trước là quan hệ nhân thân, thông qua việc xâm phạm đến quan hệ nhân thân thì người phạm tội mới xâm phạm đến quan hệ tài sản. Nếu không xâm phạm đến quan hệ nhân thân thì người phạm tội cũng không thể xâm phạm đến quan hệ tài sản được.

Về hành vi khách quan: Hành vi khách quan của tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản thể hiện qua hành vi bắt người khác làm con tin nhằm chiếm đoạt tài sản.

Khác với tội cưỡng đoạt tài sản là hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực, không gây ra những thiệt hại về tính mạng, thương tật mà chỉ có thể gây ra những thiệt hại về tinh thần như lo âu, sợ hãi. Nạn nhân trong tội cưỡng đoạt tài sản không bị xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm ngay tức khắc nhưng nạn nhân trong tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản có thể bị xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm ngay tức khắc nếu bản thân họ hoặc người quản lý tài sản không đáp ứng yêu cầu của người phạm tội.

Về hậu quả: Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản và tội cưỡng đoạt tài sản có cấu thành hình thức, việc người phạm tội có đạt được mục đích hay không, không có ý nghĩa về mặt định tội. Tội phạm được coi là hoàn thành khi người phạm tội đã thực hiện xong hành vi bắt cóc và đe dọa để đòi tài sản, không phụ thuộc vào việc họ có chiếm đoạt được tài sản hay không.

Về mặt chủ quan: Tội cưỡng đoạt tài sản mục đích chiếm đoạt tài sản của người phạm tội có thể có trước hoặc sau khi thực hiện hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần của người có trách nhiệm về tài sản. Tuy nhiên, tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản mục đích chiếm đoạt tài sản luôn luôn có trước hành vi bắt cóc. Mục đích của việc bắt cóc là để chiếm đoạt tài sản.

### **2.3.3. Phân biệt tội cưỡng đoạt tài sản với tội cướp giật tài sản tại Điều 136 Bộ luật Hình sự**

Tội cướp giật tài sản được quy định tại Điều 136 BLHS, là một loại tội có tính chiếm đoạt tài sản của chủ thể khác và được thực hiện với lỗi cố ý. Người thực hiện tội phạm cướp giật tài sản phải là người có mục đích chiếm đoạt tài sản từ trước và thực hiện hành vi chiếm đoạt của chủ thể sở hữu bằng cách nhanh chóng giật, giằng lấy tài sản. Việc giật, giằng lấy tài sản này diễn ra một cách công khai.

Ngoài các dấu hiệu là đặc trưng cơ bản của tội cướp giật tài sản thì trong mặt khách quan của tội phạm này còn thấy xuất hiện dấu hiệu *dùng vũ lực* của người phạm tội. Dấu hiệu này ít xảy ra nhưng không thể coi nhẹ chúng. Trong thực tiễn xét xử, chúng ta rất dễ nhầm lẫn dấu hiệu dùng vũ lực trong tội cướp giật với tội cướp tài sản và tội cưỡng đoạt tài sản. Việc dùng vũ lực ở tội cướp giật tài sản so với tội cưỡng đoạt tài sản có phạm vi, mức độ và mục đích khác nhau. Hành vi dùng vũ lực trong tội cướp giật tài sản được tiến hành ngay trước hoặc song song với hành vi chiếm đoạt tài sản không phải để khống chế ý chí kháng cự của chủ sở hữu và không nhằm đe dọa gây nguy hại về tính mạng và sức khỏe cho chủ sở hữu, mà chỉ là những tác động nhẹ đến thân thể và với mục đích để tẩu thoát. Với thủ đoạn nhanh chóng chiếm đoạt tài sản rồi tẩu thoát, người phạm tội cướp giật tài sản tuy có dùng một lực, một tác động nhất định đối với người đuổi bắt nhưng không có ý định đối mặt với chủ sở hữu, không có ý thức dùng vũ lực hoặc đe dọa sẽ dùng vũ lực.

Nếu hành vi dùng vũ lực để tẩu thoát gây nên một thương tích đáng kể cho người bắt giữ và hành vi đó đủ cấu thành tội cố ý gây thương tích theo Điều 104 BLHS thì người phạm tội ngoài việc chịu TNHS đối với tội cướp giật tài sản còn chịu TNHS đối với tội cố ý gây thương tích. Dùng vũ lực chống trả lại chủ sở hữu hoặc người bắt giữ trong tình tiết hành hung để tẩu thoát chỉ bao gồm những trường hợp chưa gây thương tích hoặc gây thương tích nhẹ. Nếu người phạm tội có hành vi đe dọa dùng vũ lực để uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản thì người đó phạm tội cưỡng đoạt tài sản chứ không phải cướp giật tài sản. Hành vi này tuy có đặc điểm không dùng ngay tức khắc vũ lực nhưng người bị đe dọa bị uy hiếp về tinh thần, làm giảm ý chí phản kháng. Hành vi đe dọa dùng vũ lực ở tội cưỡng đoạt tài sản mục đích là để

chiếm đoạt tài sản, sự đe dọa dùng vũ lực chỉ ở mức độ giảm ý chí kháng cự, người bị đe dọa hiểu rằng nếu không để cho người phạm tội chiếm đoạt tài sản thì trong tương lai gần họ có thể bị nguy hại về tính mạng hoặc sức khỏe. Hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực trong tội cướp giật tài sản nếu có thì chỉ nhằm giảm quyết tâm bắt giữ của người đang đuổi bắt, tạo điều kiện cho người phạm tội chạy thoát chứ không có liên quan đến việc chiếm đoạt.

#### 2.3.4. Phân biệt tội cưỡng đoạt tài sản với tội công nhiên chiếm đoạt tài sản tại Điều 137 Bộ luật Hình sự

Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản, người phạm tội không có hành vi dùng vũ lực hoặc đe dọa sẽ dùng vũ lực để chiếm đoạt tài sản mà lợi dụng tình trạng chủ tài sản ở vào điều kiện, hoàn cảnh không thể ngăn cản được để thực hiện hành vi công khai chiếm đoạt tài sản, người thực hiện hành vi phạm tội không làm cho chủ tài sản lo sợ mà phải giao tài sản.

Về hậu quả: Tội cưỡng đoạt tài sản không bắt buộc phải có hậu quả xảy ra, hành vi khách quan đã phản ánh đầy đủ tính chất nguy hiểm cho xã hội còn tội công nhiên chiếm đoạt tài sản, hậu quả là yếu tố bắt buộc CTTTP.

Về khách thể: Tội cưỡng đoạt tài sản xâm hại cùng một lúc hai khách thể là quan hệ sở hữu và quan hệ nhân thân nhưng chủ yếu là quan hệ sở hữu, nếu có xâm phạm đến quan hệ nhân thân thì không phải là những thiệt hại về tính chất (tính mạng, thương tật) mà chỉ có thể là những thiệt hại về tinh thần (sự sợ hãi, lo âu), tuy có ảnh hưởng đến sức khỏe nhưng không gây ra thương tích cho người bị hại, trong khi đó, tội công nhiên chiếm đoạt tài sản chỉ xâm hại đến một khách thể là quan hệ sở hữu, không quan hệ đến khách thể là quan hệ nhân thân.

Về mặt chủ quan: Tội cưỡng đoạt tài sản mục đích chiếm đoạt tài sản của người phạm tội có thể có trước khi thực hiện hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người có trách nhiệm về tài sản, nhưng cũng có thể xuất hiện trong hoặc sau khi đã thực hiện hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người có trách nhiệm về tài sản. Trong tội công nhiên chiếm đoạt tài sản, mục đích chiếm đoạt tài sản của người phạm tội bao giờ cũng có trước khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Người phạm tội công nhiên chiếm đoạt tài sản không thể có mục đích chiếm đoạt tài sản trong hoặc sau khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản vì hành vi chiếm đoạt tài sản bao hàm mục đích của người phạm tội rồi.

### Chương 3 THỰC TIỄN XÉT XỬ, MỘT SỐ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ HIỆN HÀNH VỀ TỘI CƯỖNG ĐOẠT TÀI SẢN

#### 3.1. Thực tiễn xét xử tội cưỡng đoạt tài sản ở nước ta

##### 3.1.1. Đánh giá, phân tích tình hình xét xử tội cưỡng đoạt tài sản trong thời gian từ năm 2008 đến năm 2013

Qua nghiên cứu số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tối cao về tình hình thụ lý và xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự về tội cưỡng đoạt tài sản trong thời gian từ năm 2008 - 2013 (thống kê cấp tỉnh + quận/huyện), cho thấy:

**Bảng 3.1: Tổng số vụ án, số bị cáo bị xét xử về tội cưỡng đoạt tài sản phải giải quyết trên toàn quốc từ năm 2008 - 2013**

Năm	Tội phạm chung (I)		Tội cưỡng đoạt tài sản (II)		Tỷ lệ % (I) và (II)	
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo
2008	55.112	91.205	249	326	0,45	0,35
2009	62.166	103.733	264	355	0,42	0,34
2010	61.813	107.696	177	211	0,28	0,19
2011	64.381	112.387	133	152	0,20	0,13
2012	66.919	117.867	94	101	0,14	0,08
2013	58.370	101.986	78	94	0,13	0,09
Tổng	368.761	634.874	995	1239	0,27	0,20

*Nguồn: Vụ Thống kê tổng hợp - Tòa án nhân dân tối cao.*

**Bảng 3.2: Phân tích tình hình xét xử sơ thẩm tội cưỡng đoạt tài sản ở nước ta trong thời gian từ năm 2008 - 2013**

Năm	Số thụ lý		Chuyển hồ sơ		Số đã xét xử		Trả lại Viện kiểm sát		Số đình chỉ vụ án		Còn lại	
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo
2008	249	326	1	2	228	292	11	17	0	0	9	15
2009	264	355	0	0	249	323	8	11	2	2	5	19
2010	177	211	1	1	158	190	11	13	1	1	6	6
2011	133	152	0	0	126	141	7	11	0	0	0	0
2012	94	101	0	0	88	95	4	4	0	0	2	2
2013	78	94	0	0	75	83	3	11	0	0	0	0
Tổng	995	1239	2	3	924	1124	44	67	3	3	22	42

*Nguồn: Vụ Thống kê tổng hợp - Tòa án nhân dân tối cao*

**Bảng 3.5: Tỷ lệ số vụ án, số bị cáo bị xét xử về tội cưỡng đoạt tài sản với tổng số vụ án, số bị cáo bị xét xử về các tội xâm phạm sở hữu**

Năm	Các tội xâm phạm sở hữu (từ Điều 133 đến 145)		Tội cưỡng đoạt tài sản (Điều 135)		Tỷ lệ %	
	Số vụ án (I)	Số bị cáo (II)	Số vụ án (III)	Số bị cáo (IV)	(I) và (III)	(II) và (IV)
2008	10.449	21.262	249	326	2,38	1,53
2009	11.542	22.952	264	355	2,28	1,54
2010	13.642	29.291	177	211	1,3	0,72
2011	13.176	29.195	133	152	1,0	0,52
2012	12.732	30.332	94	101	0,73	0,33
2013	11.167	25.997	78	94	0,69	0,36
Tổng	72.708	159.029	995	1.239	1,36	0,77

*Nguồn: Vụ Thống kê tổng hợp - Tòa án nhân dân tối cao.*

### 3.1.2. Thực tiễn xét xử các vụ án cưỡng đoạt tài sản

Qua nghiên cứu một số bản án cụ thể do các Tòa án các cấp trong cả nước đã xét xử về tội cưỡng đoạt tài sản, có thể nhận thấy hành vi cưỡng đoạt tài sản thường được thể hiện dưới một số dạng hành vi sau:

*Một là*, người phạm tội đe dọa sẽ hủy hoại tài sản nếu người có trách nhiệm về tài sản không giao tài sản cho người phạm tội hoặc gây khó khăn cho người có tài sản đang thực hiện một công việc để chiếm đoạt tài sản.

*Hai là*, người phạm tội giả danh là những nhân viên Nhà nước có thẩm quyền như cán bộ, chiến sĩ Công an, Nhà báo... để kiểm tra, bắt giữ, khám người có tài sản buộc họ phải giao nộp tiền hoặc tài sản.

*Ba là*, dọa sẽ làm lộ những bí mật đời tư của người có tài sản mà họ không muốn cho ai biết để chiếm đoạt tài sản hoặc bịa đặt, vu khống người có trách nhiệm về tài sản để chiếm đoạt tài sản.

*Năm là*, hành vi cưỡng đoạt tài sản xuất phát từ việc đòi nợ bất hợp pháp (hay còn gọi là hành vi xiết nợ).

### 3.1.3. Một số tồn tại, bất cập trong thực tiễn xét xử và những nguyên nhân cơ bản

#### a) Một số tồn tại, bất cập trong việc xử lý tội phạm này

Qua nghiên cứu, tác giả luận văn chỉ ra một số bất cập trong việc xử lý tội phạm này, bao gồm: Bất cập trong việc áp dụng tình tiết định khung hình phạt; bất cập trong việc quyết định hình phạt; bất cập trong việc xử lý hành vi xiết nợ.

#### b) Một số nguyên nhân của những tồn tại, bất cập nêu trên

Bên cạnh các tồn tại trong thực tiễn xét xử nêu trên thì vướng mắc trong quy định của BLHS về tội cưỡng đoạt tài sản cũng là một nguyên nhân cơ bản. Các nguyên nhân này cũng là vấn đề cần được các nhà làm luật Việt Nam tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện, cụ thể là:

*Thứ nhất*: quy định của BLHS năm 1999 về tội phạm này chưa thực sự đầy đủ, rõ ràng, gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng, trong Điều 135 BLHS năm không nêu định nghĩa pháp lý của tội cưỡng đoạt tài sản, không quy định CTTP cụ thể.

*Thứ hai*, việc hướng dẫn, giải thích pháp luật của các cơ quan có thẩm quyền chưa đầy đủ, chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh với tội phạm này.

*Thứ ba*, việc tuyên truyền giáo dục pháp luật chưa phù hợp thực tiễn phát triển của xã hội, nhiều vấn đề về nhận thức pháp luật của người dân về hành vi này chưa được giải thích, làm rõ.

### 3.2. Hoàn thiện pháp luật hình sự về tội cưỡng đoạt tài sản

#### 3.2.1. Sự cần thiết và ý nghĩa của việc hoàn thiện các quy định của Bộ luật Hình sự về tội cưỡng đoạt tài sản

Trước yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, hòa nhập với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa kinh tế, v.v... đòi hỏi chúng ta phải có nhiều biện pháp đấu tranh phòng chống tội phạm mà một trong những biện pháp quan trọng là hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự. Việc hoàn thiện các quy định của BLHS Việt Nam nói chung và về tội cưỡng đoạt tài sản nói riêng là vô cùng cần thiết.

Việc tiếp tục hoàn thiện các quy định của BLHS năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) về tội cưỡng đoạt tài sản có ý nghĩa quan trọng dưới các góc độ chính sau đây:

*Một là*, dưới góc độ chính trị - xã hội, ở một chừng mực nhất định - góp phần cụ thể hóa chính sách hình sự của Nhà nước Việt Nam đối với việc bảo vệ quyền sở hữu tài sản vào BLHS, bảo đảm hoạt động bình thường và ổn định của xã hội, qua đó kiên quyết xử lý nghiêm minh, triệt để và đúng pháp luật tất cả các hành vi xâm phạm sở hữu ở các mức độ khác nhau và đảm bảo nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa, tính tối thượng của pháp luật.

*Hai là*, dưới góc độ khoa học - nhận thức, việc hoàn thiện các quy định của BLHS Việt Nam về tội cưỡng đoạt tài sản có ý nghĩa làm sáng tỏ quy định về hành vi cưỡng đoạt tài sản, từ đó có cơ sở rõ ràng để phân biệt giữa tội này với một số tội phạm khác có liên quan trong BLHS.

*Ba là*, dưới góc độ lập pháp hình sự, việc hoàn thiện này còn góp phần giúp cho các nhà làm luật nhận thấy những điểm chưa hợp lý của điều luật, để loại trừ các quy định đã lạc hậu, thiếu chính xác về mặt khoa học hoặc sửa đổi, bổ sung những quy định mới cho phù hợp với thực tiễn.

### **3.2.2. Những giải pháp tiếp tục hoàn thiện các quy định của Bộ luật Hình sự về tội cưỡng đoạt tài sản**

a) *Hoàn thiện quy định về tình tiết định khung và chế tài xử lý đối với tội cưỡng đoạt tài sản*

Vì vậy, để góp phần hoàn thiện quy định của BLHS về dấu hiệu định khung của tội cưỡng đoạt tài sản, tác giả luận văn xin có một số kiến nghị sau:

*Thứ nhất*, hoàn thiện các quy định liên quan đến hình phạt được quy định trong các dấu hiệu định khung của tội cưỡng đoạt tài sản.

Đối với các vấn đề liên quan đến hình phạt quy định trong các dấu hiệu định khung của tội cưỡng đoạt tài sản chúng tôi xin được đề xuất sửa đổi như sau:

Sửa đổi mức cao nhất của từng khung hình phạt quy định tại Điều 135 BLHS năm 1999 theo hướng thấp hơn quy định của BLHS hiện hành, đặc biệt nên quy định tội cưỡng đoạt tài sản có thể là tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng (tức mức cao nhất của khung hình phạt là đến ba năm tù và đến bảy năm tù), có thể quy định giá trị tài sản bị người phạm tội cố ý chiếm đoạt ở mức tối thiểu nào đó trở nên mới bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn hoặc hình phạt khác nặng hơn. Từ quy định này có thể giúp trong quá trình áp dụng chế tài đối với người phạm tội Tòa án có thể tuyên những hình phạt đúng với mức độ vi phạm.

*Thứ hai*, trong một số trường hợp người phạm tội cưỡng đoạt tài sản có ý định chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn nhưng vì lý do muốn chủ quan của người đó hoặc trong quá trình thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản người phạm tội không đặt ra mục đích rõ ràng là chiếm đoạt từng ấy, không quan tâm tới giá trị tài sản. Những vấn đề này, khiến các cơ quan tố tụng gặp nhiều lúng túng thậm chí có những quyết định trái ngược nhau trong quá trình xử lý vụ án.

Theo tác giả luận văn, chúng ta có thể nghiên cứu theo hướng quy định rõ và bổ sung thêm cụm từ "*cố ý chiếm đoạt*" và "*không xác định trước nhưng chiếm đoạt được*" vào trước cụm từ mô tả giá trị định lượng đã được luật quy định. Điều đó cho phép khi xử lý người phạm tội ở các giai đoạn tố tụng chỉ cần quan tâm tới giá trị tài sản thực tế đã bị chiếm đoạt, trong trường hợp không chứng minh được ý muốn chủ quan của người phạm tội về giá trị tài sản chiếm đoạt hoặc người phạm tội chỉ thừa nhận muốn cướp tài sản có giá trị nhỏ hơn giá trị thực tế dựa trên kết quả của hành vi chiếm đoạt cũng sẽ được áp dụng thống nhất và hiệu quả hơn.

*Thứ ba*, tình tiết phạm tội nhiều lần không được quy định trực tiếp trong Điều 135 BLHS năm 1999 với tính chất là tình tiết định khung tăng nặng mà chỉ được xem xét với tính chất là tình tiết tăng nặng TNHS nếu hành vi cưỡng đoạt tài sản thỏa mãn các dấu hiệu quy định tại Điều 48 BLHS năm 1999, vì vậy trường hợp bị cáo phạm tội cưỡng đoạt tài sản nhiều lần nhưng không thể áp tình tiết này tương ứng với dấu hiệu khung tăng nặng hình phạt để quyết định hình phạt.

Qua phân tích, theo tác giả luận văn, "*phạm tội nhiều lần*" nên được quy định thành dấu hiệu định khung của tội cưỡng đoạt tài sản để góp phần làm tăng thêm tính nghiêm minh của pháp luật, phân hóa TNHS sâu sắc hơn, giáo dục người phạm tội qua đó thể hiện được tính hiệu quả của công tác phòng ngừa chung trong xã hội.

b) *Hoàn thiện quy định về tội phạm có liên quan đến hành vi cưỡng đoạt tài sản*

Tác giả luận văn cho rằng, để đảm bảo hành vi phù hợp với tội danh và hình phạt, BLHS cần quy định một chế tài mới để xử lý hành vi "*xiết nợ*" với các dấu hiệu như tội cưỡng đoạt tài sản nhưng nhằm mục đích lấy lại tài sản đã cho vay.

Cụ thể là: có thể nghiên cứu quy định hành vi xiết nợ là một tội phạm cụ thể với cấu thành gần giống với tội cưỡng đoạt tài sản, hoặc quy định hành vi "*xiết nợ*" thành một cấu thành tăng nặng TNHS của tội cưỡng đoạt tài sản. Tuy nhiên, xác định rõ chủ thể và các hành vi khách quan cho phù hợp với tính chất của tội phạm, vừa bảo đảm quyền lợi của người cho vay, vừa có tác dụng đấu tranh phòng và chống tình trạng cho vay, mượn, thu hồi

tài sản không đúng quy định của pháp luật, đẩy lùi sự can thiệp của các thành phần bất hảo, xã hội đen tham gia vào giải quyết các giao dịch dân sự.

### **3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự về tội cưỡng đoạt tài sản**

Tác giả luận văn đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự về tội cưỡng đoạt tài sản, bao gồm:

**3.3.1. Tăng cường công tác hướng dẫn, giải thích các quy định của Bộ luật Hình sự hiện hành trong tương quan với các văn bản pháp luật khác về tội cưỡng đoạt tài sản**

**3.3.2. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhân dân**

**3.3.3. Phối hợp các cơ quan, tổ chức với các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án để phòng ngừa, ngăn chặn và xét xử nghiêm minh tội cưỡng đoạt tài sản**

**3.3.4. Tăng cường quan hệ phối hợp của các cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án) trên cơ sở thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan**

**3.3.5. Tăng cường, hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với công tác tư pháp**

## **KẾT LUẬN**

Qua nghiên cứu đề tài luận văn thạc sĩ luật học "*Tội cưỡng đoạt tài sản trong luật hình sự Việt Nam*" cho phép chúng tôi rút ra một số kết luận sau đây:

1. Bảo vệ quyền sở hữu hợp pháp của các cá nhân, tổ chức luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của Đảng, nhà nước cũng như của toàn xã hội. Do đó đấu tranh phòng, chống các tội phạm xâm phạm sở hữu nói chung và tội cưỡng đoạt tài sản nói riêng là nhiệm vụ chính trị quan trọng, đòi hỏi sự nỗ lực của các cấp, các ngành và ý thức chấp hành pháp luật của mỗi công dân.

2. Việc xét xử các vụ án cưỡng đoạt tài sản trong thời gian qua đã có nhiều tiến bộ tích cực, song bên cạnh đó còn bộc lộ những tồn tại làm giảm hiệu quả trong nhiệm vụ đấu tranh phòng chống loại tội phạm này. Một số quy định của pháp luật về tội cưỡng đoạt tài sản còn chưa chặt chẽ, cụ thể, nhận thức và áp dụng các quy định của BLHS về tội cưỡng đoạt tài sản còn

chưa thống nhất, điều đó dẫn đến kết quả công tác xét xử chưa cao, chưa phát huy hết hiệu quả công tác giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

3. Đề góp phần nâng cao nhận thức về vấn đề quy định của BLHS năm 1999 về tội cưỡng đoạt tài sản, đề tài đã phân tích, đánh giá thực trạng công tác xét xử trên địa bàn toàn quốc từ năm 2008 đến năm 2013. Qua đó chỉ ra những thiếu sót về nhận thức cũng như những tồn tại trong công tác áp dụng pháp luật hình sự trong thực tiễn.

4. Dấu hiệu định khung hình phạt của tội cưỡng đoạt tài sản là dấu hiệu thuộc CTTP tăng nặng cho phép xác định khung hình phạt tăng nặng so với mức hình phạt quy định trong CTTP cơ bản của tội cưỡng đoạt tài sản. Khi các tình tiết của tội phạm không những thỏa mãn dấu hiệu định tội mà còn thỏa mãn dấu hiệu của CTTP tăng nặng sẽ cho phép chuyển khung hình phạt áp dụng đối với người phạm tội cưỡng đoạt tài sản từ khung hình phạt của CTTP cơ bản sang khung hình phạt của CTTP tăng nặng. Qua phân tích, kiến nghị cả về lập pháp cũng như những vấn đề cần rút kinh nghiệm trong thực tiễn xét xử. Theo chúng tôi, những vấn đề nghiên cứu trên đây là rất cấp thiết và bổ ích, đã phân tích cụ thể những vấn đề tồn tại, vướng mắc, từ đó tìm ra các giải pháp hợp lý, đưa ra những kiến nghị để hoàn thiện pháp luật cũng như những biện pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của BLHS về dấu hiệu định khung của tội cưỡng đoạt tài sản như sau:

1) Tăng cường công tác hướng dẫn áp dụng trong đó có hướng dẫn áp dụng các dấu hiệu định khung của tội cưỡng đoạt tài sản;

2) Nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn và ý thức trách nhiệm của cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật;

3) Tăng cường quan hệ phối hợp của các cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án) trên cơ sở thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan. Các giải pháp này có ý nghĩa quan trọng nhằm mục đích phòng ngừa và đấu tranh hiệu quả hơn đối với tội cưỡng đoạt tài sản ở nước ta, qua đó đảm bảo xử lý nghiêm minh, kịp thời và đúng pháp luật mọi hành vi phạm tội và người phạm tội, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh.